TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÀNG LONG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 01-6-2022
V/v "*Tranh chấp ly hôn và tranh chấp nuôi con*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Lê Thị Trúc Linh.
Các Hội thẩm nhân dân:
1/. Ông Nguyễn Thành Công.
2/. Bà Nguyễn Thị Bé Riêng.

Thư ký phiên tòa: bà Trần Thị Cẩm Thu –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long *tham gia phiên tòa*: ông Phạm Văn Tính-Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2022/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 02 năm 2022 về "Tranh chấp ly hôn và tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2022/QĐXXST-HN, ngày 26 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Võ Thị T, sinh năm 1981.
Địa chỉ: ấp P, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (yêu cầu xét xử vắng mặt).

Bị đơn: anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1983 (vắng mặt).
Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Con chung của chị T và anh T tên: Võ Nguyễn Nhựt T, sinh ngày 28/10/2012.
Địa chỉ: ấp P, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản khai và trong quá trình giải quyết vụ án chị Võ Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T do tìm hiểu và tự nguyện tiến đến hôn nhân được gia đình cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới theo tập quán ngày 26/3/2012 đến nay chưa đăng ký kết hôn, sau ngày cưới chị và anh T về sống chung mẹ ruột chị ở tại ấp P, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng tháng 4 năm 2019 mâu thuẫn vợ chồng phát sinh nguyên nhân do bất đồng quan điểm

trong đời sống sinh hoạt không hợp nhau vợ chồng thường xuyên cự cải, tình trạng mâu thuẫn kéo dài không cải thiện được, đến ngày 02/9/2019 anh T bỏ nhà ra đi chị và anh T cắt đứt quan hệ vợ chồng đến nay không hàn gắn được.

Về con chung: Qúa trình chung sống vợ chồng sinh được 01 người con chung tên Võ Nguyễn Nhựt T, sinh ngày 28/10/2012 hiện con đang sống chung với chị.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có tạo lập tài sản chung.

Về nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có thiếu nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng chị.

Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung tên: Võ Nguyễn Nhựt T, sinh ngày 28/10/2012 hiện con đang sống với chị, sau khi ly hôn theo nguyện vọng của con sống với ai người đó nuôi dưỡng, nếu con sống với chị thì chị nuôi, về cấp dưỡng nuôi con chị xin rút lại không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung; Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Văn T là bị đơn vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại biên bản lấy lời khai cháu Võ Nguyễn Nhựt T trình bày: Cháu là con của bà Võ Thị T và ông Nguyễn Văn T, cháu đang học lớp 4, trường tiểu học thị trấn V, hiện đang sống chung với mẹ, sau khi cha mẹ ly hôn nguyện vọng của cháu muốn được sống chung với mẹ là bà Võ Thị T.

Do chị Võ Thị T và anh Nguyễn Văn T không có đăng ký kết hôn nên Tòa án không tiến hành hòa giải để đoàn tụ về quan hệ hôn nhân, chỉ hòa giải về tài sản chung, con chung, nợ chung và quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên Tòa hôm nay chị Võ Thị T là nguyên đơn, cháu Võ Nguyễn Nhựt T là con của chị T và anh T vắng mặt có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Văn T là bị đơn vắng mặt lần thứ 02 không có lý do.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C trình bày quan điểm cho rằng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý đến thời điểm này Thẩm phán đã chấp hành đúng theo Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời gian ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, cấp và tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, đã thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng theo trình tự pháp luật quy định của phiên tòa sơ thẩm.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên phía bị đơn anh Nguyễn Văn T chưa chấp hành nghiêm quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự cụ thể anh Nguyễn Văn T

không có mặt trong các phiên hòa giải, công khai chứng cứ mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ.

Về nội dung vụ kiện Vị đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại các Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 51, Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình;

Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của chị Võ Thị T.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Võ Thị T và anh Nguyễn Văn T là vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Võ Nguyễn Nhựt T, sinh ngày 28/10/2012 cho chị Võ Thị T tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Võ Thị T chưa yêu cầu, nên không xem xét.

Về tài sản chung, về nợ chung: Các đương sự chưa yêu cầu, nên không xem xét.

Vị còn đề nghị buộc chị Võ Thị T có nghĩa vụ chịu án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên Tòa hôm nay chị Võ Thị T là nguyên đơn, cháu Võ Nguyễn Nhựt T là con của chị T và anh T vắng mặt có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Văn T là bị đơn vắng mặt lần thứ 02 không có lý do, căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử.

Về xác định quan hệ tranh chấp: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thì đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn và tranh chấp quyền nuôi con", thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dụng vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị T và anh Nguyễn Văn T xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2012 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, sau ngày cưới chị và anh T về sống chung mẹ ruột chị ở tại ấp P, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng tháng 4 năm 2019 mâu thuẫn vợ chồng phát sinh nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong đời sống sinh hoạt không hợp nhau vợ chồng thường

xuyên cự cải, tình trạng mâu thuẫn kéo dài không cải thiện được, đến ngày 02/9/2019 anh T bỏ nhà ra đi, chị và anh T cắt đứt quan hệ vợ chồng đến nay không hàn gắn được. Nay chị T yêu cầu xin được ly hôn với anh T.

Với những căn cứ trên, xét thấy mâu thuẫn tình cảm giữa chị T với anh T ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc Chị Võ Thị T và anh Nguyễn Văn T chung sống với nhau vào năm 2012, có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân gia đình, điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35 của Quốc Hội khóa 10. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình thì việc chung sống của chị T và anh T không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nên việc chị T khởi kiện xin ly hôn là không được chấp nhận mà không công nhận chị T và anh T là vợ chồng mới phù hợp với quy định tại Điều 53 Luật hôn nhân gia đình.

[2.2] Về con chung tên: Võ Nguyễn Nhựt T, sinh ngày 28/10/2012 hiện con đang sống chung với chị T. Theo lời trình bày của chị T thống nhất theo nguyện vọng của cháu Nhựt T sống với ai người đó nuôi dưỡng, mặt khác theo nguyện vọng của cháu Nhựt T muốn được sống với chị T, từ đó nghĩ nên giao chị T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu Võ Nguyễn Nhựt T sau khi ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình. Anh Nguyễn Văn T có quyền thăm nom chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Võ Thị T chưa có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, về nợ chung: Các đương sự chưa yêu cầu, nên không xem xét.

[2.5] Về án phí: Chị Võ Thị T có nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 51, Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình;

Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của chị Võ Thị T.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Võ Thị T và anh Nguyễn Văn T là vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Võ Nguyễn Nhựt T, sinh ngày 28/10/2012 cho chị Võ Thị T tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Văn T được quyền thăm và chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Võ Thị T chưa yêu cầu, nên không xem xét.

Về tài sản chung, về nợ chung: Các đương sự chưa yêu cầu, nên không xem xét.

2. Về án phí: Chị Võ Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2020/ 0008494 ngày 15/02/2022 do Chi cục thi hành án dân sự huyện C thu, chị Võ Thị T đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Nguyễn Văn T không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký tên và đóng dấu)

Lê Thị Trúc Linh

Nơi nhận:
-TAND tỉnh.
-VKSND huyện, tỉnh.
-CCTHADS huyện.
-Các đương sự.
-Lưu.